

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST

Ngày 12/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà H Thị Hồng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01N 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T Hóa;
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2022/TLST-HS ngày 27 tháng
12N 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HS ngày 29
tháng 12N 2022;

Đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Khắc N**, sinh ngày 01/10/1994 tại: Xã B, huyện T, tỉnh T Hóa;
nơi cư trú: Thôn M 3, xã B, huyện T, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do;
trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc
tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Khắc L; con bà Lê Thị H; Gia đình có 04 anh
em, bị cáo là con thứ tư; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm
giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2022 đến nay; có mặt.

2. **Lê Trọng M**, sinh ngày 14/3/1994 tại: Xã B, huyện T, tỉnh T Hóa; nơi
cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình
độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc
tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trọng H; con bà Phạm Thị A; Gia đình có 02 anh em, bị
cáo là con thứ hai; có vợ là Lê Thị Ngọc A, sinhN 1997, có 02 con, lớn sinh N
2020, nhỏ sinhN 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ
ngày 19/6/2022 đến nay; có mặt.

3. **Trần Duy T**, sinh ngày 20/02/1996 tại: thị trấn T, huyện T, tỉnh T Hóa;

nơi cư trú: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công T; con bà Nguyễn Thị T; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/02/2019 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, tHnh phố Hồ Chí Minh xử phạt 01N tù về tội trộm cắp tài sản, chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 09/11/2019, chấp Hnh xong án phí ngày 25/9/2019.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2022 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinhN 2000; Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Cự KhA, xã T, huyện T, T Hóa.

2. Chị Ngân Thị H, sinhN 2007; Vắng mặt;

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh T Hóa.

3. Anh Ngô Văn H, sinhN 1985; Vắng mặt;

4. Chị Đỗ Thị H, sinhN 1992; Vắng mặt;

5. Anh Lê Văn T, sinhN 1952; Vắng mặt;

Đều trú tại: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh T Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 0 giờ 30 phút, ngày 19/6/2022 tại cơ sở kinh doanh karaoke O2 ở khu 1, thị trấn T, huyện T, tổ công tác của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh T Hóa, bắt quả tang 05 đối tượng gồm Trịnh KhắcN, sinh ngày 01/10/1994, trú tại thôn M 3, xã B; Lê Trọng M, sinh ngày 14/3/1994 trú tại thôn M, xã B; Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 24/8/2000 trú tại thôn Cự KhA, xã T, huyện T, tỉnh T Hóa; Ngân Thị H, sinh ngày 06/7/2007, trú tại Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh T Hóa; Trần Duy T, sinh ngày 20/02/1996, trú tại Khu 2, thị trấn T, huyện T đang tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy tại phòng Víp 3, tầng 2 của quán. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ và niêm phong 01 túi ni lon trắng có viền đỏ, bên trong chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M); 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng bên trên chứa chất bột màu trắng ngà, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tHnh ống hình trụ tròn, hai đầu được gài bằng vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng, bên trong bám dính chất bột màu trắng ngà; 01 túi ni long màu trắng có viền xanh bên trong bám dính chất bột màu trắng (ký hiệu M1); 01 bật lửa gas màu đỏ; 1.260.000 đồng và 01 điện thoại di động Sam sung galaxy S20 màu xám của Trịnh KhắcN; 01 điện thoại di động iphone 11 màu trắng thu của Trần Duy T; 01 điện thoại di động iphone XS Max màu vàng của

Nguyễn Thị Vân A; 01 điện thoại di động Sam sung galaxy J8 màu tím của Ngân Thị H; 01 điện thoại di động Sam Sung galaxy S20+ của Lê Trọng M.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 18/6/2022, khi đang đi hát karaoke cùng với bạn tại quán AMC ở thị trấn T, Trịnh Khắc N đã rủ Lê Trọng M đến quán karaoke O2 ở khu 1, thị trấn T để hát tiếp và sử dụng ma túy, M đồng ý. Đến 20 giờ 8 phút, N đã dùng điện thoại gắn số 0767872678 nhắn tin vào số điện thoại 0868053883 của Trần Duy T hiện là nhân viên cho quán Karaoke O2 để hỏi đặt phòng hát, kèm 2 nhân viên nữ phục vụ và nhờ T mua 02 viên thuốc lắc, $\frac{1}{2}$ chỉ ketamin. T đồng ý và còn hỏi N là “chơi ở đâu”, N trả lời “chơi tại quán T đang làm”, T đồng ý. Sau đó, T đã dùng điện thoại gọi điện cho số điện thoại 0326328981 (được T lưu trong máy là Em Dũng nhép) hỏi mua số ma túy và thuốc lắc theo yêu cầu của N với giá 2.100.000 đồng. T đã báo với N là giá trị của số ma túy và thuốc lắc giá 2.500.000 đồng, yêu cầu chuyển tiền trước, nhưng N nói khi nào đến quán thì trả tiền (trong đó 2.100.000 đồng là tiền mua ma túy; còn 400.000 đồng là tiền công đi mua ma túy, gọi nhân viên phục vụ hát và bố trí phòng hát để tổ chức sử dụng ma túy). Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T ra gần quán O2 nhận ma túy và thuốc lắc của người đàn ông đeo khẩu trang không nhìn rõ mặt. T lấy được ma túy rồi đi mua bia thêm cho quán, đến 22 giờ 15 phút cùng ngày N và M đi xe mô tô đến quán O2 thì gặp Ngô Văn H, sinh N 1985, trú tại khu 1, thị trấn T là chủ quán O2, N nói đã gọi và đặt phòng trước cho T, vì vậy H đưa cả hai vào phòng Vip 1, tầng một của quán, lúc này N nói với M góp số tiền 1.500.000 đồng để mua ma túy, M đưa cho N số tiền mặt là 400.000 đồng và đã dùng điện thoại chuyển khoản cho N số tiền 1.100.000 đồng. Khi T đi mua bia về đã điều Nguyễn Thị Vân A là nhân viên phục vụ cho các quán karaoke ở khu vực thị trấn T vào phục vụ phòng Vip 1, đồng thời gặp N, lúc này N hỏi “đã có Hng chưa”, T nói “có rồi, lấy luôn à”. Sau đó, T đưa ma túy và thuốc lắc cho N ngay ở cửa phòng Vip 1, N trả cho T số tiền 2.000.000 đồng trước, nợ lại 500.000 đồng. Khi nhân viên kiểm tra thì thấy màn hình của phòng Vip 1 bị hỏng nên T đã đổi phòng rồi dẫn cả nhóm lên phòng Vip 3, tầng 2 của quán để hát và sử dụng ma túy. Tại đây, N lấy 2 viên thuốc lắc bẻ đôi rồi đưa cho M, Vân A mỗi người $\frac{1}{2}$ viên và bản thân N $\frac{1}{2}$ viên. N và M dùng nước cocacola để uống thuốc lắc, còn Vân A thì không uống mà đi vào nH vệ sinh rồi vứt bỏ $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc vào bồn cầu. Khoảng 10 phút sau thì Ngân Thị H được điều đến phòng Vip 3 để phục vụ, khi vào phòng thì N đưa cho H $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc và bảo dùng, nhưng H không dùng mà đi vào nH vệ sinh vứt bỏ. Cả nhóm ngồi nghe nhạc một lúc sau thì N lấy 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng ra rồi dùng bật lửa ga hơi nóng tờ tiền, tiếp theo đổ gói ma túy ketamin lên tờ tiền, dùng cạnh bật lửa ga xào ketamin cho mịn, N gấp đôi tờ tiền lại để tạo tHnh 01 đường ketamin. Sau đó, N dùng tờ

tiền mệnh giá 10.000 đồng quán tHnh ông, lấy 02 đầu tẩu thuốc lá thẳng long để cố định đầu tờ tiền cho ra tHnh ông. Sau khi chuẩn bị xong, N đưa số ma túy và ông hút cho M dùng trước, M dùng ông hút hít vào mũi một phần ma túy ketamin. M dùng xong thì đưa lại cho N dùng một phần, tiếp theo N đưa cho Vân A dùng một phần, tiếp theo đưa cho H dùng, nhưng H từ chối không dùng, vì vậy N và M tiếp tục hút mỗi người thêm một phần nữa. Sau khi dùng ma túy xong, N để ông hút tại bàn còn tờ tiền mệnh giá 1000 đồng có đựng ma túy ketamin thì để ở kệ ghế ngồi. Đến 0 giờ 30 phút ngày 19/6/2022 khi cả nhóm đang hát thì bị Công an vào kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong toàn bộ tang vật. Trong khi bắt quả tang Trần Duy T đã tháo sim điện thoại, bẻ đôi thẻ sim và bỏ vào nH vệ sinh, rồi xả nước. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng biển kiểm soát 36D1-72108 của Lê Trọng M, 01 xe mô tô nhãn hiệu Suruki màu đỏ đen, biển kiểm soát 36D1-59417 của Trịnh Khắc N; 01 đầu thu camera của quán karaoke O2.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với các chất nghi là ma túy đã thu giữ. Tại Kết luận giám định số 2252/KL-KTHS ngày 27/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa kết luận: Chất bột màu trắng trong phong bì niêm phong ký hiệu M là ma túy, có tổng khối lượng 0,068g loại ketamine; Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền bằng giấy mệnh giá 1000 đồng là ma túy loại ketamine, không xác định được khối lượng chất ma túy. Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng được cuốn tHnh hình ống trụ tròn, hai đầu được gắn bằng vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng là ma túy, loại ketamine, không xác định được khối lượng chất ma túy. Chất bột màu trắng bám dính trong túi ni lon màu trắng viền xanh là ma túy, loại ketamin, không xác định được khối lượng chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng huyện T kiểm tra chất gây nghiện trong cơ thể N, M, T, Vân A, H xác định: N, M dương tính với MDMA và Ketamin; T dương tính với Methamphetamine, MDMA, Ketamin; Vân A dương tính với Ketamin. Còn Ngân Thị H cho kết quả là âm tính với các chất ma túy. Xác định tình trạng nghiện của N, M, T, Vân A, H đều có kết quả xác định không nghiện chất ma túy.

Vật chứng và các tang vật của vụ án gồm:

+ 01 điện thoại di động iphone XS Max màu vàng của Nguyễn Thị Vân A; 01 điện thoại di động Sam sung galaxy J8 màu tím của Ngân Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng biển kiểm soát 36D1-72108 của Lê Trọng M, 01 xe mô tô nhãn hiệu Suruki màu đỏ đen, biển kiểm soát 36D1-59417 của Trịnh Khắc N; 01 đầu thu camera của quán karaoke O2, xác định không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà N đưa cho T mua ma túy, T đã nhập vào tiền khách hát và đưa cho chị Đỗ Thị H, sinh N 1992, trú tại khu 1, thị trấn T giữ hộ, sau đó chị H đã chuyển lại cho anh H, anh H đã sử dụng hết.

+ 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn t hnh ống hình trụ tròn, hai đầu được gài bằng vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 túi ni long màu trắng có viền xanh; 01 bật lửa gas màu đỏ; 1.260.000 đồng; 01 điện thoại di động Sam sung galaxy S20 màu xám thu của Trịnh Khắc N; 01 điện thoại di động iphone 11 màu trắng thu của Trần Duy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20+ thu của Lê Trọng M; Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của hai phong bì kí hiệu M, M1 và 0,056g ma túy loại ketamine, xác định liên quan đến vụ án nên tiếp tục thu giữ, quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTX ngày 26/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố: Các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T về tội “tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận Hnh vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T phạm tội “tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy”;

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T. Riêng bị cáo Trịnh Khắc N áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Khắc N từ 07 (bảy) N 06 (sáu) tháng tù đến 07 (bảy) N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

+ Xử phạt bị cáo Lê Trọng M từ 07 (bảy) N 04 (bốn) tháng tù đến 07 (bảy) N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

+ Xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 07 (bảy) N 04 (bốn) tháng tù đến 07 (bảy) N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng

như sau:

Tịch thu, tiêu hủy 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát Hnh, có ghi “phong bì niêm phong mẫu vật vụ MT”; 01 túi ni long màu trắng có viền xanh; 01 bật lửa gas màu đỏ; hai vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng dùng để gài tờ tiền mệnh giá 10.000 đ; toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của hai phong bì kí hiệu M, M1 và 0,056g ma túy loại ketamine;

Tịch thu sung quỹ NH nước 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn tHnh ống hình trụ tròn,; 01 điện thoại di động iphone 11 màu trắng thu của Trần Duy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20⁺ thu của Lê Trọng M; 01 điện thoại di động Sam sung galaxy S20 màu xám thu của Trịnh KhắcN.

Trả lại cho bị cáo Trịnh KhắcN số tiền 1.260.000 đồng;

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc kH nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19/6/2022 tại cơ sở kinh doanh karaoke O2 ở khu 1, thị trấn T, huyện T, Trịnh KhắcN, Lê Trọng M cùng Trần Duy T đã tổ chức cho Nguyễn Thị Vân A và chính các bị cáoN, M sử dụng trA phép chất ma túy, loại ma túy sử dụng là MDMA, Ketamine. MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, mục IB, số thứ tự 27; Ketamin là chất ma túy nằm trong danh mục III, số thứ tự 35 đều thuộc Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện Hình vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp “đối với 02 người trở lên”, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của NH nước. Do đó, Hình vi của các bị cáo N, M, T đã đủ cấu thành tội “tổ chức sử dụng trá phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do Hình vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, thống nhất thực hiện tội phạm từ trước, không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn. Trong đó, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo M chung tiền mua ma túy, chủ động liên lạc và nhờ bị cáo T mua ma túy, là người chia ma túy cho những người khác, dùng bật lửa để xào ma túy ketamine, cuộn ống hút bằng tờ tiền để cho những người khác sử dụng ma túy, do đó bị cáo N xếp vai trò chính trong vụ án và phải chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo M là người bàn bạc, góp tiền với bị cáo N để mua ma túy về tổ chức sử dụng nên xếp vai trò thứ hai, bị cáo T là người nhận tiền mua ma túy, sắp xếp phòng nên có vai trò cuối cùng.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N và bị cáo M đều có nhân thân tốt, bị cáo T có nhân thân: ngày 28/02/2019 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01N tù về tội trộm cắp tài sản, chấp Hình xong hình phạt tù từ ngày 09/11/2019, chấp Hình xong phần án phí ngày 25/9/2019; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về Hình vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo N đã được UBND xã B xác nhận vào ngày 14/5/2022 bị cáo đã có Hình động cứu anh Lê Đức ThA, sinh N 2002 khỏi đuối nước tại sông Nam Giang, huyện T nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những nhận xét, đã giá trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tội phạm ma túy đang có diễn biến phức tạp và chiều hướng gia tăng. Ma túy đã gây tác hại to lớn đối với con người và cộng đồng, là nguyên nhân làm mất trật tự, an toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gia tăng các loại tội phạm khác. Vì vậy, hình phạt đối với tội phạm về ma túy cần phải nghiêm khắc, mới đáp ứng

được yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này. Xét tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là rất nghiêm trọng, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét các bị cáo đều là người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát Hnh, có ghi “phong bì niêm phong mẫu vật vụ MT”; 01 túi ni long màu trắng có viền xanh; 01 bật lửa gas màu đỏ; hai vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng dùng để gài tờ tiền mệnh giá 10.000 đ; toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của hai phong bì kí hiệu M, M1 và 0,056g ma túy loại ketamine. Đây xác định là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, vật thuộc loại NH nước cấm tàng trữ, cấm lưu Hnh, hiện không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn tHnh ông hình trụ tròn,; 01 điện thoại di động iphone 11 màu trắng thu của Trần Duy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20⁺ thu của Lê Trọng M; 01 điện thoại di động Sam sung galaxy S20 màu xám thu của Trịnh KhắcN đều là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, đang còn giá trị nên cần tịch thu sung quỹ NH nước.

Đối với số tiền 1.260.000 đồng thu của Trịnh KhắcN, xác định đây là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến Hnh vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với số tiền 2.000.000 đồng màN đưa cho T mua ma túy, T đã nhập vào tiền khách hát và đưa cho chị Đỗ Thị H, sinhN 1992, trú tại khu 1, thị trấn T giữ hộ, sau đó chị H đã chuyển lại cho anh H, anh H đã sử dụng hết. Hội đồng xét xử xác định: Về bản chất đây là tiền của anh H vì T là nhân viên của quán hát do anh H làm chủ, trước đó T đã thu của các khách hát khác chưa kịp đưa cho anh H, khiN nhờ T mua ma túy thì T đã lấy số tiền thu của khách hát trả tiền ma túy và khiN đưa lại cho T 2.000.000 đ thì T đã bù vào số tiền lấy trước đó đưa cho chị H để chuyển cho anh H. Chị H và anh H không biết trong số tiền T đưa có số tiền 2.000.000 đ màN đã đưa cho T. Vì vậy không truy thuy đối với số tiền này là phù hợp.

Đối với số tiền 500.000 đ bị cáoN chưa kịp T toán cho T, trong đó có 100.000 đ tiền mua ma túy và 400.000 đ tiền công đi mua ma túy của T, Hội

đồng xét xử thấy rằng: số tiền này N chưa đưa cho T và thực tế T cũng chưa được hưởng lợi gì, bên cạnh đó tội phạm đã được ngăn chặn nên không cần thiết phải truy thu của các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động iPhone XS Max màu vàng của Nguyễn Thị Vân A; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8 màu tím của Ngân Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu trắng biển kiểm soát 36D1-72108 của Lê Trọng M, 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu đỏ đen, biển kiểm soát 36D1-59417 của Trịnh Khắc N; 01 đầu thu camera của quán karaoke O2, xác định không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định người này là ai, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Vân A có Hình vi sử dụng ma túy vào ngày 18/6/2022 và Trần Duy T đã sử dụng trA phép chất ma túy từ trước đó, Cơ quan điều tra đã xử phạt Hình chính là phù hợp.

Đối với Ngô Văn H, Đỗ Thị H không biết việc T, M, N tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Số ma túy còn lại Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang là của N, M, mục đích vẫn đang tiếp tục tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy nên không xem xét xử lý về Hình vi tàng trữ trA phép chất ma túy là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T; Riêng bị cáo N căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T phạm tội “tổ chức sử dụng trA phép chất ma túy”;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Khắc N 07 (bảy) N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp

Hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Trọng M 07 (bảy)N 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

- Xử phạt bị cáo Trần Duy T 07 (bảy)N 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T Hóa phát hành, có ghi “phong bì niêm phong mẫu vật vụ MT”; 01 túi ni lông màu trắng có viền xanh; 01 bật lửa gas màu đỏ; hai vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng dùng để gài tờ tiền mệnh giá 10.000 đ; toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong của hai phong bì kí hiệu M, M1 và 0,056g ma túy loại ketamine;

Tịch thu sung quỹ NH nước: 01 tờ tiền mệnh giá 1000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn thành ống hình trụ tròn, hai đầu được gài bằng vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng; 01 điện thoại di động iphone 11 màu trắng, không gắn thẻ sim thu của Trần Duy T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20⁺ số Imei1: 356844832838347, số Imei2: 359293962838346 lắp sim thuê bao số 0816.646.777 và 0966.605.768 thu của Lê Trọng M; 01 điện thoại di động Samsung galaxy S20 màu xám, số Imei1: 354460118414406, số Imei2: 354461118414404 gắn thẻ sim số 0767.872.678 và sim số 0378.672.678 thu của Trịnh Khắc N.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Khắc N số tiền 1.260.000 đ (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Toàn bộ vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 11/01/2023.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Khắc N, Lê Trọng M, Trần Duy T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh T Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Công